

Bản án số: 305 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 22- 12 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Nguyễn Quang Huy và Trần Văn Trịnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Long - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX - ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1987.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1987.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã H, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Chị Đ có mặt. Anh N đã được triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Thị Đ trình bày:

Chị với anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã H, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, cả hai về chung sống cùng bố mẹ anh Nam tại thôn K, xã H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh N không chung thủy không quan tâm chăm sóc gia đình con cái. Mâu thuẫn trầm trọng đến tháng 5/2020 chị đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ

tại thôn T, xã Q và sống ly thân với anh N cho đến nay. Do mâu thuẫn tích tụ trong nhiều năm không thể hoà giải nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Hải Đ sinh ngày 21/5/2017 và Lê Hải B sinh ngày 14/02/2012, cả hai hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung chung vợ chồng: Điều không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn Lê Văn N: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo cung cấp của UBND xã thì anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống bình thường tại địa phương. Mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc.

Theo bà Đào Thị T là mẹ đẻ anh N cung cấp:

Sau khi cưới, vợ chồng anh N chung sống cùng với vợ chồng bà tại thôn K, xã H, huyện Phú Xuyên. Quá trình chung sống không rõ mâu thuẫn từ đâu, như thế nào nhưng đến khoảng năm 2020 thấy chị Đ bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân với anh N. Khi được hỏi thì Anh N nói là vợ chồng mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được nữa.

Hiện nay anh N đang làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, do không muốn làm ảnh hưởng đến công việc của anh N nên bà không cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi anh N cư trú. Bà Tâm cũng xác nhận vợ chồng chị Đ anh N không có tài sản, công nợ chung nhưng có hai con chung như chị Đ đã trình bày và hiện đang ở cùng chị Đ... Trường hợp chị Đ kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND xã H nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Anh N và chị Đ kết hôn với nhau từ năm 2011, là hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H; Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; Chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và ly thân với anh N từ giữa năm 2020 đến nay; Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án phía anh N vẫn đang cư trú sinh sống bình thường tại địa phương.

Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ, anh N đã trầm trọng, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, anh N không có thiện chí đến Toà hoà giải đoàn tụ... nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh N.

Vợ chồng có hai con chung như chị Đ trình bày, do chị Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng, bản thân con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ... nên đề nghị giao cả hai con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và tạm miễn cho anh N việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Phạm Thị Đ và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Lê Văn N; giao cả hai con chung cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp chăm sóc giáo dục, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn N; tài sản chung, công nợ chung các bên đều khẳng định không có, không đề nghị Tòa xét nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình, do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn K, xã H, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Lê Văn N vẫn vắng mặt không rõ lý do, thuộc trường hợp cố tình không chịu đến Tòa làm việc nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Văn N.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Đ và anh Lê Văn N là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Đăng ký kết hôn số 14 quyển số 01). Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống khiến cả hai đã tự ly thân nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Nam đều cố tình vắng mặt không có lý do. Việc anh N không đến Tòa làm việc một mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, mặt khác cũng chứng tỏ phía anh Nam có thái độ bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, không mong muốn được hòa giải đoàn tụ; Bản thân gia đình anh N cũng xác định vợ chồng chị Đ, anh N mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể đoàn tụ...

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh N đã đến mức trầm trọng do thời gian ly thân đã lâu; Từ cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Đ.

Về con chung: Chị Đ và anh N có 02 con chung là Lê Hải Đ sinh ngày 21/5/2017 và Lê Hải B sinh ngày 14/02/2012.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả hai con chung hiện đang được chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Đ; chị Đ cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Phía anh N vắng mặt và gia đình anh N cũng không có ý kiến phản đối việc giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng... Vì vậy, để ổn định sự phát triển của con chung cũng như phù hợp với nguyện vọng của các bên, nên giao cả hai con chung cho chị Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục là hợp lẽ; tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa xét nên không xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Chị Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; Chị Đ và anh N có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Lê Văn N.
2. Giao chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Lê Hải Đ sinh ngày 21/5/2017 và Lê Hải B sinh ngày 14/02/2012; Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn N đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo qui định của pháp luật; Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.
3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0048013 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phùng Văn Phong